

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-PT

Ngày: 12 – 01 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Chấn;

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 179/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2021/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 2001, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: tổ 5, khu phố Bình Thiện; phường Tân Thiện, Thành phố Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hoàng M và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con;

Tiền án: không;

Tiền sự: không.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, đi học đến lớp 10 nghỉ, lớn lên làm thuê sinh sống.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị tạm giam từ ngày 22/02/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: ấp Long Hòa,

thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Huỳnh Văn L (Tân), sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Long Hòa, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Dương Thảo Y; sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: ấp Long Hòa, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12 năm 2020, Nguyễn Văn Đ đến làm thuê tại quán cơm “Yến Nhi 2” thuộc ấp L, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang, do Huỳnh Văn L và Dương Thảo Y (vợ của L) làm chủ. Trong thời gian làm thuê, Đ thấy xe mô tô biển số 66V1-700.8, loại wave thái 125i, màu xanh đen dựng trong quán, chìa khóa luôn gắn sẵn ở trong xe, nên đã nảy sinh ý định lấy trộm để sử dụng nhưng L, Y thường xuyên có mặt ở quán nên chưa thực hiện được. Khoảng 09 giờ ngày 21/02/2021, Đ thấy L, Y đi ra khỏi quán, nên đã nảy sinh ý định lấy trộm xe trên. Để thực hiện hành vi, Đ đi ra phía sau quán đến nơi dựng xe mô tô biển số 66V1-700.08 lấy trộm thì gặp bà Nguyễn Thị L (mẹ ruột của Luật), nên đã nói với Lê là L, Y kêu dời xe qua phòng trọ của Luật thuê cho Đ ở cách quán khoảng 15m để đem tủ lạnh từ phòng trọ đến quán, thì Lê kêu Đ chờ L Y về rồi rời xe. Đ tiếp tục nói L, Y kêu rời xe trước, thì Lê không nói gì và tiếp tục làm việc. Ngay sau đó, Đ lấy trộm xe mô tô biển số 66V1-700.08 của L, Y điều khiển về phòng trọ và điều khiển xe mô tô đến huyện LT, tỉnh Đ sử dụng. Sau khi phát hiện xe bị mất trộm L, Y đến Công an thị trấn CM để trình báo; đến khoảng 18 giờ ngày 21/02/2021, Đ đến Công an xã An Phước, huyện LT, tỉnh Đ đầu thú.

Ngày 28/02/2021, Đ bị khởi tố, điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG.TTHS ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM: 01 xe mô tô biển số 66V1-700.80, nhãn hiệu Honda, loại Wave 125i, trị giá 60.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKSCM ngày 13 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51,

Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 22/02/2021 (*ngày hai mươi hai, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 23/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện CM có Quyết định kháng nghị số 521/QĐ-KNPT-HS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Kháng nghị của Viện KSND huyện CM đúng thẩm quyền, nội dung và thời hạn luật định nên đủ cơ sở xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Tháng 12/2020, Nguyễn Văn Đ làm thuê tại quán cơm “Yến Nhi 2” thuộc ấp Long Hòa, thị trấn CM, huyện CM, do Huỳnh Văn L, Dương Thảo Y (vợ của L) làm chủ. Trong thời gian làm thuê, Đ thấy xe mô tô biển số 66V1-700.08 của L, Y, dựng trong quán, chìa khóa luôn gắn trong xe, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe để sử dụng, nhưng L, Y thường xuyên có mặt tại quán, nên Đ chưa thực hiện được. Khoảng 09 giờ ngày 21/02/2021, Đ thấy L, Y đi ra khỏi quán, chỉ còn Nguyễn Thị L (mẹ ruột của Luật) trong quán, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe trên. Để thực hiện, Đ đi ra phía sau quán đến nơi dựng xe mô tô biển số 66V1-700.08 lấy trộm thì gặp Lê, nên đã nói với Lê là L, Y kêu dời xe qua phòng trọ của Luật thuê cho Đ ở cách quán khoảng 15m, để đem tủ lạnh từ phòng trọ đến quán, thì Lê kêu Đ chờ L, Y về rồi dời xe. Đ tiếp tục nói L, Y kêu dời xe trước, thì Lê không nói gì và tiếp tục làm việc. Ngay sau đó, Đ lấy trộm xe mô tô biển số 66V1-700.08 của L, Y điều khiển về phòng trọ và đến huyện LT, tỉnh Đ sử dụng. Sau khi phát hiện xe bị mất trộm, L, Y đến Công an thị trấn CM trình báo; đến khoảng 18 giờ ngày 21/02/2021, Đ đến Công an xã An Phước, huyện LT, tỉnh Đ đầu thú.

* Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG.TTHS ngày 26/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM: 01 xe mô tô biển số 66V1-700.08, nhãn hiệu Honda, loại Wave 125i, trị giá 60.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện CM khởi tố, tạm giam để điều tra, xử lý đối với Nguyễn Văn Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn L, Dương Thảo Y, Nguyễn Thị L, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ do có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ biết xe mô tô biển số 66V1-700.08 là tài sản của L, Y, không phải của Lê. Đ đã nảy sinh ý định lấy trộm xe từ trước, nhưng do L, Y thường xuyên có mặt ở quán, nên chưa chiếm đoạt được. Ngày 21/02/2021, lợi dụng khi L, Y đi khỏi quán, Đ lấy trộm xe mô tô thì gặp Lê, nên nói L, Y kêu dòi xe qua phòng trọ của Luật thuê để đem tủ lạnh từ phòng trọ về quán, thì Lê nói chờ L, Y về rồi dòi, Đ tiếp tục nói dòi xe trước, thì Lê không nói gì và dọn dẹp quán, nên Đ lấy xe mô tô biển số 66V1-700.08 của L, Y. Khi L, Y ra khỏi quán, không nói với Lê, cũng không kêu Lê trông coi quán và không giao quản lý xe mô tô trên, nên giữa L, Y và Lê không phát sinh trường hợp chuyển giao quyền quản lý tài sản là xe mô tô biển số 66V1-700.08 theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự “*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”. Đồng thời, trong phần nhận định của Bản án sơ thẩm ghi nhận: “... bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, tài sản không có người trông coi để thực hiện hành vi chiếm đoạt...”

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, cho thấy hành vi của Đ là lén lút với chủ sở hữu L và Y để lấy trộm xe mô tô biển số 66V1-700.08, trị giá 60.000.000 đồng, đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc Đ khi lấy trộm xe mô tô biển số 66V1-700.08 thì gặp Lê, nói L, Y kêu dòi xe mô tô biển số 66V1-700.08 qua phòng trọ của Luật thuê để đem tủ lạnh từ phòng trọ về quán, là nhằm thực hiện trót lọt hành vi trộm cắp đã có ý định từ trước đó. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là chưa đánh giá đúng hành vi phạm tội của bị cáo, dẫn đến làm thay đổi tư cách tham gia tố tụng của Huỳnh Văn L, Dương Thảo Y từ người bị hại sang người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp kháng nghị phúc thẩm số 521/QĐ-VKSLX ngày 23/9/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện CM và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang, về áp dụng pháp luật đối với tội danh của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện KSND huyện CM và sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng nghị để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết quả điều tra và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

[3] Xét yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trong quá trình bị cáo Đ làm thuê cho quán cơm Thảo Yên 2, do vợ, chồng Y, L làm chủ, thấy Y, L có chiếc xe mô tô biển số 66V1-700.80, nhãn hiệu Honda, loại Wave 125i, Đ đã có nảy sinh ý định chiếm đoạt để sử dụng, tuy nhiên do Y, L thường xuyên có mặt tại quán nên Đ không thực hiện được. Khoảng 9h00 ngày 21/02/2021 nhân cơ hội Y, L đi ra khỏi quán, trong quán lúc này còn có bà Lê (mẹ ruột) của Luật trông coi, nên Đ đã dùng lời nói dối với bà Lê là Y, L kêu bị cáo dời chiếc xe này qua nhà trọ nơi bị cáo ở, để đem tủ lạnh từ nhà trọ sang quán, bà Lê có kêu Đ chờ Y, L về rồi dời xe, bị cáo lại tiếp tục nói dối là Y, L kêu dời xe trước nhằm để chiếm đoạt cho bằng được chiếc xe này. Khi lấy được xe bị cáo chạy về phòng trọ cách quán khoảng 15 mét, dựng xe trước phòng trọ, bị cáo vào lấy đồ đạc, tư trang của mình, sau đó đó điều khiển xe đến huyện LT, tỉnh Đ sử dụng. Từ đó, cho thấy bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng lời nói, để bà Lê tin đó là sự thật và cho bị cáo dắt xe ra khỏi quán một cách công khai, để chiếm đoạt. Tuy chiếc xe mô tô này do vợ, chồng Y, L đứng tên chủ sở hữu, nhưng khi Y, L đi vắng khỏi quán thì do bà Lê trực tiếp trông coi. Tại Cơ quan điều tra vợ, chồng Y, L đều thừa nhận chiếc xe mô tô là của vợ, chồng Y, L, nếu vợ, chồng Y, L đi vắng mà không chạy xe, xe để lại tại quán thì sẽ do mẹ ruột của Luật (bà Lê) quản lý cho vợ, chồng Y, L. (Theo các biên bản ghi lời khai được đánh số bút lục 118, 119, 122, 124, 126, 127). Bản thân bà Lê cũng khẳng định, vợ, chồng Y, L đi vắng tuy không kêu bà trông coi quản lý quán, nhưng là mẹ con, bà cũng hiểu ngầm bà phải có trách nhiệm quản lý trông coi dùm Y, L các tài sản có trong quán. Điều này hoàn toàn phù hợp tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự quy

định: “*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”, như vậy, tuy giữa Y, L và Lê không thực hiện chuyển giao quyền quản lý tài sản bằng văn bản, lời nói, nhưng thực tế đã được chuyển giao bằng hành vi cụ thể. Mặc khác, chính bà Lê cũng đã thừa nhận nếu bị cáo không nói dối với bà thì bà sẽ không cho bị cáo dẫn xe đi (Bút lục số 140). Tại phiên tòa, bị cáo cũng xác định chỉ biết chiếc xe này hàng ngày vợ chồng Y, L chạy còn chủ sở hữu xe là ai thì bị cáo không biết. Như vậy đã có đầy đủ cơ sở để xác định bà Lê chính là người đang quản lý trông giữ hợp pháp tài sản và là bị hại trong vụ án. Vì thiệt hại của bà là đối tượng tác động trực tiếp của tội phạm, tức là có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội với hậu quả của tội phạm gây ra.

[3.2] Tại nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát huyện CM cho rằng lợi dụng khi Y, L đi ra khỏi quán, bị cáo lấy trộm xe mô tô thì gặp Lê nên mới nói dối với bà Lê là chưa phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án. Bởi lẽ trong suốt quá trình điều tra bị cáo đều thừa nhận, khi có ý định chiếm đoạt xe mô tô, do có mặt bà Lê nên bị cáo mới bịa chuyện để bà Lê tin rồi mới dắt xe đi, chứ không phải bị cáo lấy xe rồi gặp bà Lê mới bịa chuyện. Lời khai nhận này của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Sau khi Tòa án nhân dân huyện CM ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM có lập biên bản hỏi cung bị can ngày 19/8/ 2021, tại biên bản hỏi cung này, bị cáo cho rằng khi thấy Y, L đi khỏi quán, bị cáo đi đến chỗ dựng xe để dắt xe đi, khi này mới gặp bà Lê, căn cứ vào lời khai này Viện kiểm sát quy kết bị cáo lấy trộm xe rồi mới gặp bà Lê là chưa phù hợp. Tại khoản 2 Điều 98 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “*Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án*”; Điều 86 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: “*Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án*”. Do lời khai này của bị cáo không phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên không làm căn cứ để xác định bị cáo có hành vi trộm xe trước khi gặp bà Lê như trong Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM.

Từ những phân tích trên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, người bị hại trong vụ án chính là bà Nguyễn Thị L. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, nên xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, xử phạt bị cáo 02 năm tù là phù hợp với quy định pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị số 521/QĐ-KNPT-HS của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM

theo hướng bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

Tuy nhiên, tại phần [4] của bản án sơ thẩm có nhận định: “.....*bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, tài sản không có người trông coi để thực hiện hành vi chiếm đoạt, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác để sử dụng*”. Với nhận định này thì đây là dấu hiệu đặc trưng của tội “Trộm cắp tài sản” nhưng lại tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có sai sót, cấp sơ thẩm cũng cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 521/QĐ-KNPT-HS của Viện kiểm sát nhân dân huyện CM theo hướng bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CM.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 22/02/2021 (*ngày hai mươi hai, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi mốt*).

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện CM (2);
- Công an huyện CM (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện CM (1);
- Trại tạm giam (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Tài